

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA HUYỀN NGHĨA

QUYỂN 7 (THƯỢNG)

Lợi ích gần nghĩa là khởi đầu ở đạo tràng tịch diệt mới thành chánh giác liền chuyển pháp luân như đánh trống trời, trống độc làm lợi ích cho chúng sanh tương tự cho đến Pháp Hoa trở về trước: Lợi ích cũng có sâu cạn nên cái chết cũng có nhanh chậm. Vì sao? Vì giáo vốn hòa hợp với duyên, duyên lược nói có bốn loại nên giáo cũng có bốn thứ và giáo chủ cũng có bốn loại đều gọi là Pháp vương vốn đầy đủ Tam muội vương tự phá hai mươi lăm cõi, thành tựu bảy thứ lợi ích cho chúng sanh theo thông lệ như trước đã nói. Lại nữa, kinh tiểu thừa và đại thừa nói rõ Phật nhập vào Tam muội vương phóng ánh sáng nói pháp khiến quả khổ thiện ác của các cõi được lợi ích. Như trong kinh A Hàm nói “thấy hào quang sáng của Phật, được tiếp xúc với tay của Phật khiến bệnh khổ của sáu đường đều dứt trừ”. Lại nữa, Đại Phẩm nói “Phóng ánh sáng chiếu soi chúng sanh ở địa ngục khiến khổ não liền dứt trừ, sanh ngang bằng với cõi trời thứ sáu”. Khổ dứt trừ là lợi ích quả còn sanh vào cõi trời là lợi ích nhân. Đại Phẩm gọi đó là “lợi ích của hoa và lá”.

Lại nữa, Phật phóng ánh sáng soi rõ chỗ tăm tối khiến đều rất sáng rõ nên mỗi chốn đều nghĩ rằng: “trong đây tại sao lại sanh ra chúng sanh”. Đây cũng là lợi ích quả. Lợi ích của nhân quả này bốn giáo chủ đều có khả năng thông suốt đem đến lợi ích đó. Nếu luận riêng biệt thì lợi ích có sâu cạn bất đồng. Nghĩa là hàng Thanh văn đoạn chánh sử, còn Duyên giác xâm hại đến tập khí đồng gọi là “Cổ thuốc bậc trung”. Riêng Bồ-Tát thì hàng phục “hoặc chướng” mà còn hóa độ chúng sanh. Do đó kinh nói “Cầu Thế Tôn dự ghi cho con sẽ thành Phật, thực hành được tinh tấn” tức là lợi ích của “loài cỏ bậc thượng”. Bởi vì là tướng lợi ích thuộc căn lực từ bi của giáo chủ thuộc Tam tạng giáo.

Kinh nói: “Nếu là trí tuệ kiên cố của các Bồ-Tát thì thấu triệt ba cõi mà cầu “tối thượng thừa” tức ba người đồng quán vô sanh, chẳng những có lợi ích của trí phân biệt trước mà còn khéo hóa độ tức là thể chơn thật, đó chính là lợi ích tăng trưởng của loài cây nhỏ. Đây là tướng lợi ích của giáo chủ thuộc Thông giáo. Kinh nói: “Lại có bậc trụ thiền đạt được lực thần thông, nghe các pháp “không”, tâm liền sanh hoan hỷ”. Trụ thiền là trụ vào chín loại thiền định lớn. Tâm rất hoan hỷ tức là chứng được bậc “Hoan hỷ địa”. Do độ vô số ức trăm ngàn chúng sanh cho nên gọi là “sự tăng trưởng của cây lớn”. Chẳng những có lợi ích của thể phân tích thuộc nhân quả mà còn riêng biệt có “Đạo chủng trí phân biệt” cho đến lợi ích của Nhất thiết chủng trí. Đây là tướng lợi ích của giáo chủ thuộc Biệt giáo. Kinh nói “Nay sẽ vì ông mà nói một sự thật tối thượng, chẳng những có lợi ích như trước mà còn phá trừ vô minh để hiển bày Phật tánh với lợi ích rất ráo chơn thật”. Đây gọi là tướng lợi ích của giáo chủ thuộc Viên giáo. Lại nữa lợi ích của ba giáo trước còn thấp kém nên không bao hàm sự thù thắng. Sự thù thắng bao quát cả sự thấp kém nên như vậy có thể biết v.v...

Lại nữa, nếu trải qua năm vị giáo thì nhũ giáo chỉ có bốn thứ lợi ích thật sự của “cây lớn” thuộc nhân quả mà không nói rõ “ba loại cỏ một loại cây”, vì kinh đại thừa đối với hàng Nhị thừa không thể nhập vào nên như cam, như điếc. Lạc giáo chỉ có bốn thứ lợi ích của ba loại cỏ, Sanh tô giáo có đầy đủ bảy thứ lợi ích, Thục tô giáo không có ba loại cỏ thuộc tích pháp mà có bảy thứ lợi ích của thể pháp, Đề hồ giáo chỉ có lợi ích thật sự. Các lợi ích trước đều thô chỉ có lợi ích hôm nay là diệu. Gần là từ đạo tràng tịch diệt cho đến hết Pháp Hoa làm sanh thân của Bồ-tát, chỉ được lợi ích của tám phen mà không có lợi ích của thứ chín và thứ mười. Lại có nghĩa “đạt được” tức là Bồ-tát từ thân pháp tánh đi đến nhập vào thân phần đoạn nhằm tạo ra quyến thuộc của nguyện, thần thông, ứng sanh v.v... để phá vô minh, đoạn trừ hoặc chướng còn sót lại tức đạt được lợi ích của lãnh địa thứ chín và thứ mười. Cho nên bắt đầu từ đạo tràng tịch diệt sau cùng đến Pháp Hoa lược nói mười thứ lợi ích là vậy.

Hỏi: Pháp thân Bồ-tát nghe Ứng thân của Phật thuyết pháp thì lợi ích trong Ứng thân cũng khiến Pháp thân được lợi ích chăng?

Đáp: Ví như chùi gương gương chuyển thành sáng thì cảnh sắc thấy cũng rõ ràng.

Lại hỏi: Ứng thân nghe pháp được lợi ích, Pháp thân cũng được lợi ích vậy Ứng thân hiện ra bệnh thì Pháp thân cũng bệnh ư?

Đáp: Bệnh này nếu thật thì Ứng thân bệnh tức Pháp thân cũng bệnh. Tuy nhiên, Ứng thân hiện bệnh chẳng phải thật có, do chẳng phải thật có cho nên Ứng thân không có bệnh và Pháp thân cũng không có bệnh. Lại nữa nếu Ứng thân hiện ít bệnh thì nên biết Pháp thân có ít lợi ích. Nếu Ứng thân hiện bệnh rộng lớn thì Pháp thân cũng không có lợi ích rộng lớn.

Nay tạo ra các câu giản lược như sau: Tự có quả lợi ích mà nhân không có lợi ích, nhân có lợi ích mà quả không có lợi ích, nhân quả đều lợi ích và nhân quả đều không lợi ích. Đây tức sự việc hiện hữu có thể hiểu: Tự có lợi ích của hoại lợi ích của thành, lợi ích cũng hoại cũng thành, lợi ích của không hoại không thành. Lợi ích của không hoại không thành là lợi ích trong mát (Niết-bàn). Nhân của bốn cõi là lợi ích của hoại. Nhân của cõi phi tưởng là lợi ích của thành. Ở khoảng trung gian chính là lợi ích của cũng thành cũng hoại v.v...

Tự có lợi ích nhân chính là lợi ích quả và có lợi ích quả chính là lợi ích nhân đây là ý nói nhân biến đổi nên quả cũng biến đổi. Tự có lợi ích nhân chẳng phải đạo tăng trưởng, lợi ích quả chẳng phải sanh tổn giảm đạt được lợi ích nhân quả này hay không đạt được lợi ích nhân quả này tức nhân quả quả báo phần đoạn. Tự có lợi ích nhân là tăng trưởng đạo lợi ích quả, là tổn giảm sanh, không được lợi ích nhân quả này hay được lợi ích nhân quả này là thuộc tập nhân và tập quả. Tự có lợi ích của Chơn đế chẳng phải lợi ích của Tục đế là Nhị thừa, lợi ích của Tục đế chẳng phải lợi ích của Chơn đế là lục độ Bồ-tát. Tự có lợi ích của Tục đế trước mới có lợi ích của Chơn đế sau là lục độ Bồ-tát. Tự có lợi ích của Chơn đế trước mới có lợi ích của Tục đế sau tức là Bồ-tát của thông giáo. Nếu tự có lợi ích của lục đế và Chơn đế chẳng phải lợi ích của trung đạo và lợi ích của trung đạo chẳng phải lợi ích của Tục đế và Chơn đế là Bồ-tát biệt giáo. Nếu tự có lợi ích của Chơn đế tức là lợi ích của Tục đế cũng chính là lợi ích của trung đạo là Bồ-tát Viên giáo vậy.

Dựa trên kinh nay vốn có đủ bảy lợi ích, mặc dù có sai biệt mà chính là không có sai biệt. Ví như mầm, thân cây, cành, lá sanh trưởng bất đồng nhưng đều cùng có một chỗ sanh ra là đất. Bảy thứ lợi ích thành thật mà nói thì có sâu, cạn nhưng không gì không phải Thật tướng. Cho nên nói sai biệt mà không sai biệt. Các kinh nêu ra sai biệt là lợi ích thô đồng nhập vào lợi ích diệu không có sai biệt của kinh này, hoặc lợi ích diệu của việc tiến đến đi vào, hoặc lợi ích diệu, dựa trên vị mà thành tự.

Lợi ích tiến vào tức xưa kia vốn ở địa thượng thanh lương, nay thì tiến lên phát khởi đại thừa hiểu rõ tâm thanh tịnh sáng suốt, hoặc tiến đến quán hành diệu tương tự trong phần chơn thật tức xưa là lợi ích nhân của trời người, nay tiến lên nhập vào phần chơn tương tự, xưa là lợi ích của bậc hữu học và Vô học nay tiến lên phá trừ vô minh được lợi ích vi diệu từng phần chứng chơn. Ví như chuyển âm thanh vào trong tù và thì tiếng nhỏ trở thành lớn. Lợi ích tiến vào của hạng Thông giáo và Biệt giáo như tiến đây có thể biết.

Lợi ích diệu căn cứ ở vị tức xưa là quả thô. Địa thượng thanh lương, nay tức thành lợi ích lý diệu. Dựa trên lợi ích của nhân thô chính là nay lợi ích của quán hành diệu. Dựa trên lợi ích thô của hữu học và Vô học chính là lợi ích vi diệu tương tự nay. Đây là mở ra thô chính là diệu không cần tiến vào. Thông giáo và Biệt giáo theo như giải thích trên có thể biết. Lợi ích diệu của sự tiến vào tức còn đối đãi lợi ích thô để làm rõ lợi ích diệu, lợi ích dựa trên vị là lợi ích diệu bất dứt, không còn sự đối đãi v.v...

Căn cứ vào các lợi ích thô mà phán quyết quuyến thuộc: Đó là hai thứ lợi ích của nhân quả. Kham nhận làm quuyến thuộc của nghiệp sanh tức hai loại cỏ bậc trung và bậc thượng với cây nhỏ v.v... Kham nhận làm quuyến thuộc của nguyện, thần thông tức loại cây lớn kiến tánh trở đi đều là quuyến thuộc của ứng hiện sanh v.v... sự tiến vào và dựa trên vị tức là lý diệu giả gọi là quán hành diệu thì kham nhận làm quuyến thuộc của nghiệp sanh. Tương tự diệu kham nhận làm quuyến thuộc của nguyện và thần thông chứng phần chân kham nhận làm quuyến thuộc của ứng hiện sanh, cũng chính là tướng trạng lợi ích của kinh này v.v...

Nói về lợi ích lưu thông kinh cũng chia làm ba phần: 1. Nêu ra bậc thầy; 2. Nêu ra pháp; 3. Nêu ra sự lợi ích.

Người lưu hành hoằng truyền kinh đều thông suốt cả phàm và Thánh. Nếu Pháp thân Bồ-tát với thế nguyện trang nghiêm khiến cho cõi nước này, cõi nước khác, cõi trên, cõi dưới đều được bầy, chín, mười thứ lợi ích của thật trí và quyền trí thì công giáo hóa trở về mình, lại nuôi dưỡng Pháp thân làm tăng trưởng đạo và tổn giảm sanh. Sanh thân của Bồ-tát cũng có thể ở trong cõi nước này hay cõi nước khác mà hoằng truyền kinh khiến chúng sanh đạt được bảy thứ lợi ích của quyền trí và thật trí. Tuy công giáo hóa thuộc về mình khiến tăng trưởng đạo, giảm tổn sanh nhưng không thể đem lại lợi ích cho các cõi trên. Là thầy của phàm phu cũng có thể ở cõi này hoằng truyền kinh khiến chúng sanh đạt được bảy thứ lợi ích của quyền và thật trí thì công giáo hóa thuộc về

mình làm tăng trưởng lợi ích cho phẩm vị. Do đó, kinh Vô Lượng Nghĩa nói: “đạo sư có bệnh ở tại bờ bên này nhưng thành tựu thuyền bè đưa người sang bờ bên kia” tức là nghĩa ấy.

Hỏi: Phàm phu chỉ có thể vì phàm phu mà hoằng truyền kinh điển khiến phàm phu được lợi ích, cũng có thể khiến Thánh Nhơn được lợi ích không?

Đáp: Thánh Nhơn có hai hạng: Thánh tiểu thừa và Thánh đại thừa. Như kinh nói “Nếu có người thật sự đạt A-La-Hán mà sanh” tưởng diệt độ nếu gặp Phật khác thì liền được quyết rõ. Sư Nam Nhạc nói “Ban đầu nương tựa vào thì gọi là Phật khác”. Vô minh chưa phá được thì gọi là “khác”. Nếu có khả năng biết rõ tạng bí mật của Như Lai và hiểu thấu lý viên dung thì gọi đó là “Phật”. Sau khi Phật diệt độ, có người thật sự chứng đắc A-La-Hán đối với thật trí và quyền trí chưa quyết định rõ ràng nếu gặp được “sự nương tựa ban đầu” tức có khả năng quyết hiểu rõ thành tựu lợi ích tương tự và tiến đến nhập vào phần chơn thật. Văn này lại chứng minh cho bậc thầy của phàm phu có thể vì hạng Thánh Nhơn của tiểu thừa để hoằng truyền kinh điển mà được lợi ích. Kinh nói: “Người có sáu căn thanh tịnh thuyết pháp thì mười phương chư Phật đều thích thấy người đó, đều hướng đến chỗ thuyết pháp của người đó. Tất cả Trời, Rồng nghe pháp của người đó đều rất vui mừng”. Đây cũng là bậc thầy của phàm phu, và văn cũng nói rõ việc thuyết pháp của bậc đại Thánh.

Việc nêu ra pháp nghĩa là phương pháp lưu thông kinh trình bày rõ ràng lời nói của bậc Thánh. Văn nói “Nếu chúng sanh không tin nhận thì phải ở trong pháp sâu xa khác khai thị dạy bảo khiến họ được lợi ích an vui”. Pháp khác là còn vương phương tiện, pháp sâu xa là nói trung đạo. Mang phương tiện để nói rõ trung đạo tức là Biệt giáo. Nếu chỉ dùng phương tiện mà không nói rõ trung đạo thì đó là giáo của Tam tạng và Thông giáo v.v... Văn kinh chấp nhận dùng Biệt giáo để hỗ trợ Viên giáo nhưng theo thông lệ suy ra cũng nên dùng Thông giáo để hỗ trợ Viên giáo. Lại kinh văn nói: “Lại dùng phương tiện khác hỗ trợ để hiển bày Đệ nhất nghĩa” thì há có ngăn cách tam tạng và Thông giáo ư! Chỉ vì Bồ-tát đã đạt được trí tuệ chơn thật cũng đạt được ý quyền trí nhưng không dùng thật trí lạm dụng quyền trí, cũng không cho rằng quyền trí là thật trí. Các vị chỉ vì hoằng truyền sự thật nhưng chúng sanh không tin nên phải vì thật mà thiết lập quyền, dùng cạn để hỗ trợ sâu không hề có sự giả dối. Đây tức là song song sử dụng quyền trí và thật trí mà hoằng truyền kinh. Phẩm An Lạc Hạnh nói “Nếu có người hỏi đến không

dùng pháp tiểu thừa mà chỉ dùng pháp đại thừa vì họ giải nói khiến họ đạt được “Nhứt thiết chứng trí”. Điều này có nghĩa chỉ dùng thật trí để hoằng truyền kinh. Lại nói “tùy nghi vì nói pháp” tức cũng không ngăn cách đối với quyền trí. Người thời nay hoằng pháp hoặc hoàn toàn dùng đại thừa hoặc chỉ dùng pháp tiểu thừa nhưng đều không đạt được ý của Phật. Người khéo hoằng truyền kinh xử dụng rất hợp thời. Miệng tuy nói quyền pháp mà nội tâm không trái với thật pháp. Điều này khiến cho chúng sanh đạt được bảy thứ lợi ích của thật và quyền thì đối với việc hoằng truyền kinh mới đạt được ý của Phật.

Việc nêu ra lợi ích: Tuy nhiên sự lợi ích của lưu thông kinh không phải đợi đoạn lưu thông thứ ba của kinh văn mới nói rõ lợi ích. Ở trong văn chánh thuyết đã chỉ ra lợi ích của việc hoằng truyền kinh trong đời vị lai. Phần sau của phẩm Thí Dụ, phần cuối của phẩm Thọ Ký và phần giữa của phẩm Pháp Sư đều nói rõ công đức lợi ích của việc hoằng truyền kinh. “Nếu sau khi Như Lai diệt độ, có người nghe một câu kệ cũng được thọ ký Tam miệu-Tam-Bồ-Đề” hướng hồ là hoằng truyền kinh. Nếu vì một người mà giảng nói thì công đức còn nhiều thế hướng hồ ở trong chúng mà rộng nói kinh, lần lượt cho đến người thứ năm mươi, công đức tùy hỷ còn chẳng phải dừng lại ở cảnh giới Nhị thừa, hướng hồ người ban đầu ở trong hội chúng lắng nghe kinh tùy hỷ. Bồ-tát Thường Bất Kinh chỉ lưu thông một câu còn đạt được sáu căn thanh tịnh hướng hồ là người lưu thông đầy đủ kinh. Công đức hoằng truyền kinh của đệ tử thuộc phẩm đầu dù trải qua vô lượng ức kiếp thực hành năm pháp Ba-la-mật cũng không thể lấy đó làm ví dụ hướng hồ công đức mười phương hư không của hàng đệ tử thuộc phẩm thứ năm há có sự biểu hiện giới hạn! Đệ tử của năm phẩm hoằng truyền còn không thể cùng tận đều gọi là “Vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai ngồi tòa Như Lai”. Pháp của Như Lai đều chẳng phải là số lượng đong đếm hướng hồ tám vạn cõi nước lớn và ngàn thế giới vi trần Bồ-tát mà sẽ có thể nói chẳng? Sẽ có thể biết chẳng? Chỉ trừ Như Lai ra không ai có thể biết hết. Thông thường Thầy hoằng truyền kinh khiến cho đều được bảy thứ lợi ích. Kinh nói “kinh này là thuốc hay trị bệnh con người ở trong cõi Diêm phù đề. Nếu người nghe kinh này thì không già không chết, ở trong già chết mà biết rõ Thật tướng của già chết”. Già, chết là pháp của quả báo. Nhận biết được Thật tướng tức là đạt được lợi ích của diệu lý thanh lương, cũng là lợi ích của quả báo. Vì luôn trì kinh này nên sanh vào cõi an lạc ở trong hoa sen và không bị tham dục quấy nhiễu, cũng lìa mười thứ phiền não, khéo hành Bồ-Tát đạo, cũng gọi là lợi ích

của danh tự, cũng là quán hành diệu, cũng là tu nhân diệu. Đạt được Đà-la-ni có thể xoay chuyển giả nhập vào không tức là đạt lợi ích của loại cỏ thuốc bậc hạ, bậc trung, bậc thượng v.v..., cũng là lợi ích của loại cây nhỏ. Nếu đạt được trăm ngàn thứ Đà-la-ni tức là lợi ích của loại cây lớn. Nếu đạt được pháp âm phương tiện Đà-la-ni thì có lợi ích chơn thật tương tự. Nếu trong chốc lát nghe pháp thì tức liền đạt được Tam-Bồ-Đề rốt ráo, đó chính là lợi ích chơn thật. Lại nữa, như người tìm nước ở nơi cao nguyên thì thấy đất khô cần tức là lợi ích của loại cỏ thuốc bậc hạ, bậc trung và bậc thượng. Nếu thấy bùn thì đó là lợi ích của loại cây nhỏ và cây lớn. Nếu có được nước tức là lợi ích chơn thật tối thượng. Sau năm trăm năm còn đạt được lợi ích này huống hồ thời nay hoàng truyền kinh làm lợi ích cho người khác há không có bảy thứ lợi ích!

Quán tâm: tiểu thừa nói rõ tâm khởi lên nhưng chưa động đến thân khẩu thì không thành nghiệp, đại thừa nói trong một sát na mà tạo tội gây ra tai hoạ thì đọa vào địa ngục vô gián. Vô gián là nơi nhận lấy quả báo rất khổ trong một sát na ngăn ngừa khởi tạo nghiệp, tâm nhanh chóng vừa dấy lên nghiệp nặng đã thành. Huống hồ chín pháp giới sao lại không đầy đủ. Nếu có khả năng làm cho tâm trở nên thanh tịnh thì các nghiệp liền thanh tịnh. Quán làm cho tâm thanh tịnh nghĩa là quán sát các tâm đều là pháp do nhân duyên sanh tức không, tức Giả, tức Trung đạo. Khiến ba pháp quán hội tụ ở trạng thái “nhất tâm”. Vì quán pháp này cho nên biết tâm chẳng phải tâm mà chỉ có tên gọi, biết pháp chẳng phải pháp nên pháp không có tự ngã, Biết tên không có tên gọi tức là ngã v.v... Biết pháp vốn không có pháp tức là Niết-bàn v.v... Khi khởi lên sự hiểu biết này thì đối với ngã và ngã sở thấy như mây như huyễn tức là lợi ích của địa thượng thanh lương. Tâm sanh khởi các thiện hổ thẹn, cung kính tin thuận đối với “không, giả, trung đạo” mà ý niệm đồng mãnh tức là lợi ích của nhân. Mỗi niệm đều tương ứng với “tức không” là lợi ích của loại cây nhỏ và loại cỏ bậc trung, bậc thượng v.v... Nếu mỗi niệm tương ứng với “tức Giả” thì đó chính là lợi ích của loại cây lớn. Nếu mỗi niệm tương ứng với “tức Trung đạo” thì đó là lợi ích thật sự tối thượng. Ở trong một niệm với tâm lợi ích và bảy loại phân biệt v.v... Nếu người quán sát với một hướng đến vô sanh thì chỉ tin vào lợi ích của tâm mà không tin vào lợi ích gia hộ của Phật ở bên ngoài. Đây là rơi vào chỗ si ám của tự tánh. Lại nữa, nếu chuyên chú tin tưởng vào sự gia hộ của Phật bên ngoài mà không mong cầu lợi ích của nội tâm. Đây là rơi vào sự si mê của “tha tánh”. Nếu cùng si mê và không có nhân si mê thì cũng có thể hiểu. Người si mê chấp tự tánh mất thấy

thế gian bị trói nặng nề, không nhờ lực người bên cạnh, người đi trước giúp sức tiến tới vậy sao gọi là không tin tội cấu nặng nề và oai lực của chư Phật thiết lập ra khiến tuệ quán mà đạt được lợi ích ư! Lại nữa, ông từ chỗ nào mà được nội quán vô sanh? Từ thầy? Từ kinh? Từ tự ngộ? Nếu từ thầy và kinh thì đó là ngoại duyên của ông. Nếu tự ngộ nhất định phải được sự gia hộ sâu xa mà ông không biết ân nghĩa. Như cây cỏ không biết ân nghĩa của mặt trời, mặt trăng gió mưa v.v... Lại nữa, đối với ba sự việc ông không biết sự gia hộ bên ngoài. 1. Không tin vào sự chỉ dạy; 2. Không tự mình cầu mong sự gia hộ bên ngoài; 3. Không chỉ dạy người. Đây chỉ là sự không tin của ông chứ chẳng phải không có sự lợi ích từ bên ngoài. Kinh nói “chẳng phải bên trong, chẳng phải bên ngoài mà bên trong mà bên ngoài”. Mà bên trong cho nên chê Phật đều giải thoát, tức mong cầu tâm trung đạo. Mà bên ngoài nên chư Phật thường hộ niệm. Vậy tại sao lại không tin vào lợi ích từ bên ngoài! Si mê tha tánh, công tánh, vô nhân tánh theo như trên có thể hiểu. Do “tức Giả” cho nên không có tự tánh, “tức không” nên không có tha tánh; “tức Trung đạo” nên không có cộng tánh song song chiếu soi cho nên không có “vô nhân tánh” v.v...

Kết thành quyền và thật: Ngài Quang Trạch nói “chiếu soi cảnh của ba loại ba thừa làm quyền và chiếu soi cảnh của bốn loại một thừa làm thật”. Nay không dùng cách giải thích này. Nếu đã dùng quả của đại thừa làm “lý đại thừa” thì sao không dùng quả của tiểu thừa làm “lý tiểu thừa”? Có người bào chữa nói: “Quả tiểu thừa chẳng phải chơn thật cho nên không thể lấy quả ấy làm lý. Nếu như vậy “Giáo quyền” Hành, Nhân (người) thuộc quyền đâu từng là thật mà đã thiết lập, Nhân thuộc quyền sao không lập lý quyền? Lại nữa, nếu quyền không có lý thì “tục” không thích ứng xứng với “đế”. Đã nói “Tục đế” thì quyền không nên dừng ở ba loại.

Thật có bốn thứ thì hẳn có nhân quả là có hai pháp sao gọi dùng hai pháp làm lý nhất! Kinh nói “Quán sát tất cả pháp như Thật tướng không hành, không phân biệt thì sao lại phân nhân quả riêng biệt làm lý nhất (lý nhất thừa)? Nếu như vậy trở thành không có Thật tướng tức là ma đã nói cho nên không dùng cách giải thích ấy.

Nay lấy việc chiếu soi rõ cảnh của mười thứ “thô” làm “quyền” và lấy sự chiếu soi cảnh của mười thứ diệu làm thật. Mười thứ “thô” tức là chín pháp giới trước. Các “đế trí” thô của ba loại nhân duyên cho đến lợi ích thô gọi là “quyền”. Sự chiếu soi mười thứ diệu nghĩa là “lý diệu” cho đến lợi ích diệu. Vì diệu cho nên mới làm “thật”. Lại nữa,

vì mười thứ diệu cho nên mới khai mở nêu ra mười thứ “thô”. Như vì có “liên” (sen) cho nên mới có hoa. Ý chính ở “liên” nhưng “liên” ẩn mà không hiện. Đối với pháp sâu xa, khác mà khai thị và chỉ dạy khiến được lợi ích vui vẻ thì pháp khác có thật mà cái thật ấy không hiện. Văn nói: “Phương tiện của Như Lai với ý thú khó hiểu”. Lại nữa, hoa nở sen hiện, ví như khai mở mười thứ thô để hiển bày mười thứ diệu. Khi mười thứ diệu được hiển bày thì mười thứ thô không còn nữa mà chỉ là cảnh giới của một sự việc lớn không thể nghĩ bàn cho đến lợi ích.

Sư Triệu nói: “Ban đầu từ cõi Phật, sau cùng là pháp cúng dường đều nói rõ sự việc không thể nghĩ bàn”. Nay cũng theo thông lệ như vậy. Đã khai mở thô rồi thì ban đầu và rốt sau đều là diệu.

Lại nữa, nếu ước định ở năm vị giáo thì nhũ giáo lấy mười thứ diệu để nói rõ mười thứ thô, khai mở mười thứ thô để hiển bày mười thứ diệu tức thành một thứ quyền và một thứ thật. Nếu căn cứ ở bốn Tất-đàn thì có sáu thứ quyền và hai thứ thật. Nếu ước định ở bốn môn thì có mười hai thứ quyền và bốn thứ thật. Nếu ước định ở Tam tạng giáo thì hoàn toàn là quyền như Hóa thành, nhánh dương. Nếu dựa trên Tam tạng giáo thì xét theo hóa tha quyền và tự hành là thật. Nếu ước định ở bốn Tất-đàn thì có ba thứ quyền một thứ thật. Nếu ước định ở bốn môn thì có mười hai thứ quyền và bốn thứ thật. Nếu ước định ở Phương Đẳng đã vốn đầy đủ có bốn giáo thì có ba mươi loại quyền và mười một loại thật. Nếu ước định ở bốn Tất-đàn thì có mười bốn loại quyền và hai loại thật. Nếu ước định ở bốn môn thì có năm mươi sáu loại quyền và tám loại thật. Nếu ước định ở Ma-ha-Bát-nhã thì vốn phế bỏ Tam tạng giáo mà chỉ dùng ba giáo: Thông giáo và Biệt giáo có hai mươi loại quyền, Viên giáo có mười loại thật. Nếu ước định ở Tất-đàn thì có mười loại quyền và hai loại thật. Nếu căn cứ vào bốn môn thì có bốn mươi loại quyền và tám loại thật. Nếu ước định ở Pháp Hoa thì từ trước đến nay hoàn toàn phế bỏ chỉ nói một loại thật. Trong cái thật đó không phải không có phương tiện nhưng là phương tiện Thật tướng nên đồng gọi là thật. Nay ước định vào Tất-đàn tức đối với ba quyền trước chưa ngộ, nay ngộ chính là một thật. Nếu căn cứ vào bốn môn thì có mười hai loại quyền và bốn loại thật. Danh số chỉ có một loại đồng với Tam tạng giáo nhưng ý có khác xa một trời một vực. Mười hai loại “quyền” và bốn “thật” của Tam tạng giáo đều hoàn toàn là quyền nhưng Pháp Hoa chỉ hướng vào thật. Nếu phân tích cọn lựa thì khác với Phương Đẳng và Bát-nhã v.v... Do vậy nói “chỉ nói đạo vô thượng để chỉ ra thật tướng chơn thật” là ý này vậy.

Nếu dựa theo kinh Niết-bàn vốn giải thích đầy đủ bốn giáo cũng là ba mươi quyền và mười thật. Một lược tương tự đồng với Phương Đẳng nhưng ý khác hẳn với kinh kia. Tức hai nhập vào “thật” và hai không nhập vào “thật”. Nay bốn giáo của Niết-bàn đều nhập vào “thật” tức trong nhân có ba quyền một thật, ở quả thì có bốn thật mà không có quyền. Nếu ước định vào bốn Tất-đàn thì có mười bốn loại quyền và hai loại thật. Nếu căn cứ vào bốn môn thì có năm mươi sáu loại quyền và tám loại thật. Nếu chỉ ước định ở môn của ba nhân thì có năm mươi sáu loại quyền. Nếu quả môn thì bốn thật chỉ là thật. Vì với nhân căn bản của nó mà nói bốn đó thôi. Đây là lấy bốn môn nhập vào thật. Nếu ước định ở quả thì có bốn loại thật và mười hai loại quyền nghĩa tương đồng với Pháp Hoa. Thế nên biết các giáo tuy đồn có quyền và thật nhưng quyền và thật bất đồng nên hoặc chuyên hướng vào quyền hoặc chuyên hướng vào thật hoặc quyền, thật cùng bao quát lẫn nhau đều để xứng hợp với cơ, tình, duyên vào lý chưa viên dung! Nay tổng quát dựa theo giáo để phán quyết quyền và thật. Nếu ước định Tam tạng, thông và Biệt giáo thì ba giáo ấy là quyền còn Viên giáo là thật. Lại nữa, nếu quyền, thật của các giáo chưa viên dung thì đó là quyền còn đã viên dung khai mở quyền và hiển bày thật thì đó là thật. Nay Pháp Hoa là một thừa viên mãn cho nên gọi đó là thật. Lại vì, khai mở quyền nên làm thật. Nếu căn cứ ở Viên giáo mà nói thì chiếu lên ba mươi thứ thô của ba giáo trước làm quyền và chiếu soi mười thứ diệu làm thật. Nếu căn cứ ở việc khai mở quyền viên dung mà nói thì quyết định ở ba mươi thứ thô đều thành diệu, chỉ gọi là thật cho nên cũng gọi là diệu. Nếu ngộ được lý thì lý tức chẳng phải quyền cũng chẳng phải thật, chẳng thấy một pháp như trong bàn tay trống rỗng mà đối gạt trẻ nhỏ. Nếu còn nói quyền, nói thật tức là thô. Lý vốn chẳng phải quyền chẳng phải thật cho nên gọi là diệu.

- Căn cứ ở bản để nói rõ mười thứ diệu được chia làm hai phần:

1. Bản, Tích; 2. Nói rõ mười thứ diệu. Giải thích Bản, Tích gồm có sáu “Bản” là lý, là Thật tướng, là một đạo cứu cánh. Ngoại trừ Thật tướng của các pháp, các điều còn lại đều gọi là Tích. Lại nữa, lý và sự đều gọi là Bản nói về lý, về sự thì đều gọi là “giáo tích”. Lại nữa giáo của lý và sự đều gọi là “Bản” còn lãnh thọ giáo để tu hành thì gọi là Tích. Như nơi người đó ở (đi qua) thì có dấu vết hiện hành tìm dấu vết biết được nơi của người đó. Lại thực hành có khả năng chứng đạt “thể” và “thể” chính là bản; nương vào “thể” để khởi dụng thì dụng là Tích. Lại nữa, thật sự đạt được thể dụng thì gọi là “Bản” còn quyền xảo thực hiện thể

dụng thì gọi là Tích. Lại nữa, sự hiển bày hôm nay gọi là “Bản” còn từ trước trở lại đã nói thì gọi là Tích. Nay ước định sáu nghĩa này để nói rõ “Bản, Tích”:

1. Ước định vào lý, sự để nói rõ Bản, Tích: Từ căn bản vô trụ mà lập ra tất cả pháp. Lý vô trụ tức là lý Chơn đế Thật tướng. Khi xưa tất cả pháp tức là xum la vạn tượng Tục đế khi xưa. Do vốn (Bản) là chơn Thật tướng hiển hiện ra ở dấu vết (Tích) Tục đế nên tìm trong tích của Tục đế tức hiển bày bản chơn thật. Bản, Tích tuy sai biệt nhưng là một không thể nghĩ bàn. Do đó vẫn nói “quán sát tất cả pháp “không” như Thật tướng: Chỉ vì nhân duyên mà có từ điền đảo sanh v.v...”.

2. Dùng lý giáo để nói rõ Bản, Tích nghĩa là hai đế khi xưa đã chiếu soi đều không thể nói, nên đều gọi là “bản”. Trước đây Phật dùng phương tiện nói ra tức là giáo của hai đế. Giáo này gọi là Tích. Nếu không có Bản môn của hai đế thì không có giáo của hai loại: Nếu không có dấu tích thì đâu thể hiển bày Bản môn của “đế”! Bản môn và Tích môn tuy khác biệt nhưng đều là một không thể nghĩ bàn. Văn kinh nói: “Pháp này không thể chỉ ra, là tướng vắng lặng của ngôn từ, Phật dùng lực phương tiện vì nói cho năm vị Tỳ-kheo nghe”.

3. Ước định giáo hành làm Bản môn và Tích môn nghĩa là ban đầu lãnh thọ giáo của Phật xưa kia để làm Bản môn tức có thực hành tu nhân dẫn đến quả. Do giáo nói rõ lý nên mới được khởi hành. Do hành phù hợp giáo mà lý được hiển bày. Bản môn và Tích môn tuy khác biệt nhưng là một không thể nghĩ bàn. Văn kinh nói: “Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự vắng lặng, Phật tử hành đạo rồi, đời sau được thành Phật” v.v....

4. Ước định vào thể và dụng để nói rõ Bản môn và Tích môn tức do xưa kia, thuở ban đầu, tu hành khế hợp với lý, chứng đắc Pháp thân làm Bản môn. Ban đầu đạt được Bản môn thuộc Pháp thân tức là thể rồi khởi dụng của Ứng thân. Nhờ vào Ứng thân mà được hiển bày Pháp thân. Bản môn và Tích môn tuy có sai khác nhưng là một không thể nghĩ bàn. Văn kinh nói: “Ta từ khi thành Phật cho đến nay rất là lâu xa, chỉ dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh mà tạo ra cách nói như đây”.

5. Ước định vào “quyền, thật” mà nói rõ “Bản, Tích”. “thật” là sự lâu xa ban đầu thực sự đạt được Ứng thân và Pháp thân đều gọi là “Bản môn”. Ở khoảng trung gian luôn xướng lên sanh và diệt với nhiều thứ “quyền biến” thực thi Pháp thân và Ứng thân nên đều gọi là “Tích môn”. Nếu chẳng phải ban đầu đạt được Bản môn của Pháp thân

và Ứng thân thì không có Tích môn của Ứng thân và Pháp thân thuộc khoảng trung gian. Nhờ vào Tích môn mà hiển bày Bản môn. Bản môn và Tích môn tuy sai biệt nhưng là một không thể nghĩ bàn. Văn kinh nói: “Phương tiện của Ta ấy, các đức Phật cũng vậy”.

6. Ước định hôm nay và xưa mà luận về “Bản, Tích” nghĩa là các giáo xưa nay đã nói đến lý, sự cho đến “quyền, thật” tức đều gọi là “Tích môn”, các giáo sự lý lâu xa cho đến “quyền, thật” của kinh nay nói đều gọi là “Bản môn”. Đây chẳng phải chỗ hôm nay nêu rõ Bản môn lâu xa mà không có lấy ở trong “Tích môn” đã nói. Nếu chẳng phải đã nói “Tích môn” thì há hiển bày thân môn hôm nay! “Bản, Tích” tuy sai khác nhưng đều là một không thể nghĩ bàn. Văn kinh nói “Pháp của chư Phật lâu sau chỉ nói chủ yếu chơn thật. Nếu ước định vào quá khứ và hiện nay mà luận về “Bản, Tích” thì việc chỉ ra quá khứ là Tích môn tức bao gồm mười thô mười diệu của Phật Thích Ca từ đạo tràng tịch diệt đến nay thấy đều gọi là “Tích môn”. Nếu chỉ ra hiện tại làm “Bản môn” tức tổng quát xa thu nhiếp các thô, các diệu của thời xa xưa đều gọi là “Bản môn”. Nếu ước định vào “quyền” và “thật” để nói đến Tích môn và Bản môn thì chỉ ra “quyền” làm “Tích môn” riêng biệt thu nhiếp đạt được trung gian với nhiều loại Phật với tên gọi khác nhau. Mười thứ thô và mười thứ diệu đều gọi là “quyền”. Chỉ ra “thật” làm “Bản môn” nghĩa là thu nhiếp được mười thô và mười diệu ban đầu thấy đều gọi là thật. Nếu ước định ở thể và dụng mà nói rõ “Bản, Tích” thì chỉ dụng làm Tích tức thu nhiếp năm thứ diệu: lợi ích, cảm ứng, thần thông, thuyết pháp, quyến thuộc v.v... Và lấy thể làm Bản môn tức thu nhiếp đạt được ba pháp diệu ban đầu. Nếu ước định giáo hành làm “Bản, Tích” thì lấy hành làm Tích tức thu nhiếp đạt được “hạnh diệu”, vị diệu ban đầu và lấy giáo làm “Bản môn” tức thu nhiếp đạt được trí diệu lúc ban sơ. Nếu ước định ở lý giáo làm “Bản, Tích” thì lấy lý làm “Bản môn” tức thu nhiếp đạt được cảnh diệu của gốc ban đầu. Còn lấy giáo làm Tích môn tức thu nhiếp đạt được giáo diệu của thời gian ban sơ kiêm luôn đạt được mười thứ diệu của Bốn sự. Nếu lấy “lý, sự” làm “Bản, Tích” thì chỉ ra sự làm “Tích môn” tức thu nhiếp đạt được các cảnh thô khi xưa; lấy lý làm Tích môn thì thu nhiếp được các cảnh diệu khi xưa. Nguồn gốc tối sơ làm Bản môn chỉ là Bản môn mà chẳng phải “Tích môn”. Sự tối hậu đã nói thì chỉ là “Tích môn” chứ chẳng phải Bản môn trung gian cũng là tích cũng là bản. Nếu không có nguồn gốc của thời Bản môn thì không thể đạt được Tích môn của tối hậu và trung gian. Nếu không có Tích môn đã nói thì không thể hiển bày Bản môn

như nói hôm nay. Bản, Tích tuy khác nhưng đều là một không thể nghĩ bàn.

Mười thứ diệu căn Bản môn được trình bày như sau:

1. Nhân diệu.
2. Quả diệu.
3. Cõi nước diệu.
4. Cảm ứng diệu.
5. Thần thông diệu.
6. Thuyết pháp diệu.
7. Quyến thuộc diệu.
8. Niết-bàn diệu.
9. Thọ mạng diệu.
10. Lợi ích diệu.

Việc giải thích mười thứ vi diệu này lại được phân làm mười phần:

1. Lược giải thích mười ý.
2. Sanh khởi thứ tự.
3. Nêu ra sự khai hợp của “Bản, Tích”.
4. Dẫn kinh văn để chứng minh.
5. Rộng giải thích.
6. Giải lược ba đời.
7. Luận về thô và diệu.
8. Kết thành quyền và thật.
9. Lợi ích.
10. Quán tâm.

1. Lược giải thích: Nhân diệu căn bản: tức ban đầu phát tâm Bồ-đề làm nhân tu hành đạo Bồ-tát. Nếu mười sáu vương tử khi ở chỗ đức Phật Đại Thông Trí Thắng hoằng truyền kinh điển để kết duyên thì đều là trung gian đã tạo tác không phải nhân căn bản. Nếu lấy mực ở cõi Sa bà đi từ phương Đông đến khắp ngàn thế giới, mỗi thế giới chấm xuống một điểm mực, đem tất cả thế giới có chấm mực và không chấm mực nghiền nát thành bụi, mỗi hạt bụi kể là một kiếp. Lại thọ lượng của Phật còn vượt qua số đó trăm ngàn vạn ức na do tha kiếp. Di-lặc bỏ xứ dùng chủng trí vượt ra giả, chỉ đếm số thế giới còn không thể biết huống là số kiếp bụi nhỏ kia? Làm sao đếm hết được? Đây là Như Lai khéo thí dụ, để hiển bày tướng trạng lâu xa, chi dùng thế trí khéo trải qua tính toán mà được ư? Văn kinh nói: “Ta dùng Phật nhãn quan sát sự lâu xa cũng như hiện ngày này, chỉ có Phật mới có khả năng biết được

sự lâu xa ấy” tức đều là nhân của Tích môn chứ chẳng phải nhân căn Bản môn. Nếu lưu lại nhân của trung gian thì người sau khó mà tin được cho nên Pháp Hoa dẹp bỏ dấu vết để loại trừ nghi ngờ. Đó là “quyền” chứ chẳng phải “thật” nên nói “Ta xưa khi hành đạo Bồ-tát không trụ ở trung gian”, vượt qua trung gian này trở về trước đó đã hành đạo gọi đó là bản tức là nhân diệu căn Bản môn vậy.

Nói về quả diệu Bản môn nghĩa là nhân vi diệu viên mãn từ đầu tiên xa xưa đã thực hành kế hợp đạt được thường, lạc, ngã, tịnh một cách rốt ráo. Đây là quả căn Bản môn mà không chọn lấy Xá Na thành Phật ở đạo tràng tịch diệt làm quả căn Bản môn. Quả ở trung gian còn không được chọn lấy làm quả căn Bản môn hướng hồ Xá Na mới thành Phật. Làm sao được làm Bản môn? Chỉ chọn lấy quả bắt đầu chứng đắc thành Phật đến nay rất lâu xa, nên gọi là quả diệu Bản môn.

Cõi nước diệu Bản môn nghĩa là vốn đã thành quả tất có cõi nước y báo. Nay đã là tích ở cõi Đồng cư hoặc tại trung gian của ba cõi, cũng có bốn cõi, thì Phật Bản cũng nên có cõi nước, lại cư ngụ xứ nào? Văn nói “từ đó đến nay, Ta thường ở tại thế giới Sa-bà nay để thuyết pháp giáo hóa chúng sanh”. Nếu xét kỹ ở văn này thì thật ra chẳng phải thế giới Sa-bà trong tích của ngày nay cũng chẳng phải xứ sở thuộc quyền Tích môn của trung gian, mà chính là cõi Sa-bà căn Bản môn tức là cõi nước diệu căn Bản môn vậy.

Cảm ứng Bản môn: đã thành quả rồi tức có thời xa xưa (bản) chứng đạt hai mươi lăm Tam-muội. Từ bi, thế nguyện tương quan cảm ứng căn cơ có khả năng chính là vắng lặng mà chiếu soi cho nên nói “cảm ứng Bản môn”.

Thần thông Bản môn cũng là “Vô ký hóa, hóa thiền đã chứng trước đây kết hợp với tu nhân từ bi thời xa xưa (bản) thực hiện hóa làm các thần thông khiến cho chúng sanh trước hết kinh hãi, chuyển tâm rồi sau có thể độ”. Cho nên nói “thần thông Bản môn”.

Thuyết pháp Bản môn tức là xưa kia, đầu tiên ngồi vào đạo tràng mới thành Chánh giác bắt đầu chuyển pháp luân với pháp do bốn biện tài đã nói. Cho nên gọi là thuyết pháp Bản môn.

Quyến thuộc Bản môn tức là người đã được nghe Phật thuyết pháp ở thời gian xa xưa (bản), những người trụ ở phương dưới mà Di-lặc không biết tức là quyến thuộc Bản môn

Niết-bàn căn Bản môn tức là Đoạn đức Niết-bàn đã chứng ở thời xa xưa (bản), cũng là thời gian xa xưa ứng hiện ở hai cõi đồng cư, phương tiện, đối với những chúng sanh có duyên đã được độ mà xướng

nói nhập diệt tức là Niết-bàn Bản môn.

Thọ mạng Bản môn nghĩa là vốn xương lên nhập diệt tức có thọ mạng ngắn, dài, xa, gần.

Lợi ích căn bản nghĩa là quyền thuộc của nghiệp, nguyện, thần thông và ứng sanh v.v... với tám lượt mười lần làm lợi ích là lợi ích đó vậy.

2. Sanh khởi: mười loại nghĩa này đưa đến duyên trực tiếp nói rã rác trong văn kinh. Nay vì muốn sắp xếp lại cho có thứ tự nên mới nêu ra sự sanh khởi. Sở dĩ nhân căn bản đặt ban đầu là vì do nhân mà dẫn đến quả. Khi quả thành tựu thì có quốc độ. Quả cao nhất ở nơi quốc độ tức có sự chiếu soi căn cơ. Căn cơ chuyển động tức thì có thực hiện giáo hóa. Thực hiện giáo hóa thì có thần thông. Khi có thần thông rồi thì vì chúng sanh mà thuyết pháp. Người được nghe sự thuyết pháp ấy tức thành quyền thuộc. Duyên độ các quyền thuộc đã hết tức nhập Niết-bàn. Do có Niết-bàn nên luận về tuổi thọ có dài, ngắn. Tuổi thọ dài ngắn tạo ra lợi ích cho đến sau khi Phật diệt độ tức các thời chánh pháp, tượng pháp v.v... lợi ích thật là “vô lượng” nhưng chỉ làm mười điều gói gọn từ đầu đến cuối, lại sắp xếp thành thứ tự đó thôi.

3. Bản môn và Tích môn có đồng và khác nghĩa là trong Tích môn nhân vốn khai mở mà quả thì hợp lại. Do hợp tập quả và báo quả nên làm ba pháp diệu. Ngược lại trong Bản môn nhân thì hợp mà quả thì khai mở. Do khai mở tập quả và xuất hiện báo quả nên nói rõ cõi nước diệu Bản môn. Tạo ra sự đồng và khác này tức nương vào nghĩa mà có xen lẫn giữ lấy và bỏ đi. Trong Tích môn thấy đều nói rõ cảnh, trí, hạnh, vị. Văn nói Bản thì tóm lược chung gom làm nhân diệu tức hiểu ý đó là khai hợp đó thôi. Quả diệu tức là ba quy tắc diệu trong Tích môn. Quyền thuộc, thần thông, cảm ứng, thuyết pháp đều đồng với như trên. Bản môn khai mở Niết-bàn và thọ mạng diệu nghĩa là chư Phật lâu xa như ngài Đấng Minh, Ca Diếp v.v... đều ở nơi Pháp Hoa liền nhập Niết-bàn. Từ nghĩa đó suy ra Phật căn Bản môn ắt đủ hai nghĩa diệu là cõi nước, thanh tịnh và căn cơ thanh tịnh. Lại nữa, do sự việc ở quá khứ đã thành nên khai mở nêu ra sự vi diệu của Niết-bàn.v.v... Trong Tích môn không có hai nghĩa này tức là đức Thích Ca tuy ở trong Pháp Hoa xương nói Niết-bàn nhưng chưa diệt độ. Sự việc này mới nằm ở Niết-bàn cho nên trong Tích môn không có biện rõ lợi ích giống như trên.

4. Dẫn ra văn chứng minh nghĩa là không xa xôi tìm tòi ở kinh khác, cũng không thông dẫn trong nội bộ mà chỉ dựa trên Bản môn để chứng thành mười nghĩa. Tuy nhiên Pháp Hoa của Phật trước như hằng

hà sa số kệ A-xúc-bà. Pháp Hoa của Phật nay ở Linh Sơn suốt tám năm thuyết ra thì trong bản văn của tiếng Hồ sự việc lẽ ra đâu nói hết? Đất chấn đán xa xôi thấp kém chỉ nghe được đại ý. Người thấy có bảy quyển cho là đoạn kinh nhỏ, bản văn của tiếng Hồ rộng lớn tại sao đã không biện rõ? Nay chỉ dựa trong vài trang giấy làm mười dẫn chứng rõ ràng: Văn kinh nói “Ta xưa khi hành đạo Bồ-tát, vốn thành tựu thọ mạng đến nay vẫn chưa hết” tức là hành nhân diệu căn Bản môn. Văn kinh nói “Ta thực sự từ khi thành Phật đến nay đã vô lượng vô biên ức na do tha kiếp”. Lại nói “Ta thực sự thành Phật đến nay đã lâu xa, như thời gian đó chỉ dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh mà nói lên lời như vậy” tức là Quả diệu Bản môn. Văn kinh nói “Ta ở nơi thế giới Sa-bà khi đạt được Tam-bồ-đề rồi liền giáo hóa khai thị dẫn dắt các Bồ-tát này”. Lại nói “từ đó đến nay, Ta thường ở trong thế giới Sa-bà thuyết pháp giáo hóa, cũng ở trong chỗ khác dẫn dắt làm lợi ích cho chúng sanh, cõi nước này chẳng phải, mà lại là cõi Sa-bà hiện nay” tức là cõi nước diệu Bản môn. Văn kinh nói “nếu có chúng sanh đi đến chỗ của Ta thì Ta dùng Phật nhãn quán sát các căn cơ v.v... lợi độn và tín tâm v.v... của họ” tức là trí chiếu soi căn cơ thuộc Bản môn cũng có nghĩa là cảm ứng diệu. Văn kinh nói “lực thần thông bí mật của Như Lai” lại vẫn nói trung gian rằng: hoặc thị hiện thân mình, thân chúng sanh khác, thị hiện việc của mình, của chúng sanh khác” tức là hiện thân xuống mười cõi với nhiều hình ảnh. Nghiệm rõ Bản môn cũng như vậy tức là thần thông diệu căn Bản môn. Văn kinh nói “các Bồ-tát này thấy đều được ta giáo hóa khiến phát “đại đạo tâm”, nay đều trụ vào địa vị “bất thoái” mà tu học đạo pháp của ta, lại trong thời gian đó hoặc nói sự việc của mình, hoặc nói sự việc của người” tức nghiệm rõ Bản môn cũng như vậy nghĩa là thuyết pháp diệu. Văn kinh nói “thân của các Bồ-tát này đều là sắc vàng, trụ ở không trung thuộc phương dưới. Tất cả đều là con của ta, ta từ lâu xa trở lại đây đã từng giáo họ” tức là quyến thuộc diệu thuộc Bản môn. Văn kinh nói “lại nữa, nói: Đức Phật kia nhập Niết-bàn như vậy đều lấy phương tiện để phân biệt”. Văn kinh nói “nay chẳng phải thật diệt độ nhưng bèn xưng nói: Sẽ chọn lấy diệt độ” nghĩa là duyên quá khứ đã hết mà xưng lên nhập diệt. Ở khoảng trung gian đã xưng lên Niết-bàn thì so sánh ở Bản môn cũng có Niết-bàn tức Niết-bàn diệu căn Bản môn. Văn kinh nói “nơi nơi vốn nói danh tự bất đồng, niên kỷ nhỏ lớn” thì niên kỷ tức là tuổi thọ còn nhỏ, lớn tức là dài, ngắn, thường và vô thường. Khoảng trung gian đã như vậy thì tuổi thọ căn Bản môn cũng như thế tức là thọ mạng diệu. Văn kinh nói “lại dùng phương

tiện để nói pháp vi diệu có thể khiến cho chúng sanh phát tâm hoan hỷ” tức là lợi ích thuộc phần trung gian. Lại nói “nghe Phật nói kiếp số thọ mạng dài lâu như vậy, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ chúng sanh đạt được lợi ích lớn” tức là lợi ích thuộc khoảng trung gian của Tích môn. Tích môn và trung gian đã như vậy thì so sánh với Bản môn cũng thế tức là lợi ích vi diệu Bản môn. Mười văn trên đều căn cứ vào kinh chứ chẳng phải do người tạo ra.

5. Giải thích rộng nghĩa là nếu chẳng phải Bản môn thì không lấy gì hiện Tích môn. Nếu có khả năng hiểu được Tích môn thì cũng biết rõ Bản môn. Vì người chưa hiểu rõ cho nên mới phân biệt kỹ càng. Nhưng Pháp thân tốt cùng Bản môn, thật sâu xa vi diệu, nếu Phật không nói thì Di Lặc cũng không biết hướng hồ các địa dưới và hạng phàm phu? Tuy nhiên, tuổi thọ của cha mẹ không thể không biết. Công đức của Như Lai đâu chấp nhận không biết! Nay tóm lược nương vào ý chỉ của kinh giống như truy tìm. Nói về nhân diệu căn Bản môn như Kinh nói “Ta xưa khi hành đạo Bồ-tát đã thành tựu thọ mạng, thì tuệ mạng” tức là trí diệu căn Bản môn. “Ta xưa hành” thì hành là đi đến tức hành diệu căn Bản môn. “Khi hành đạo Bồ-tát” thì Bồ-tát là người thuộc nhân lại hiển bày vi diệu. Một câu văn đã chứng thành ba pháp diệu và ba pháp vi diệu tức là nhân diệu thuộc thời căn Bản môn chứ chẳng phải nhân củ Tích môn. Nhân của Tích môn có nhiều loại hoặc nói xưa làm thợ gốm ở nơi Phật Thích Ca trước kia cúng dường ba sự: đệm cỏ, đèn đuốc, đường phèn và phát nguyện nên được thọ ký. Cha, mẹ, danh tự, đệ tử, người hầu, đều như Phật trước tức là ngay A-tăng-kỳ kiếp đầu đã phát tâm. Tuy nhiên, không nêu ra đoạn trừ “hoặc” nên biết đó là tướng hành nhân của Tam tạng giáo. Hoặc nói xưa kia làm đứa trẻ rải năm thứ hoa cúng dường Phật Nhiên Đăng, trái tóc che bùn đất lên thân như hư không, nên đạt được “Vô sân nhẫn” mà được Phật thọ ký cho hiệu Thích Ca Văn. Đại Phẩm cũng nói: “trong thành Hoa nghiêm mà được thọ ký” tức đồng với sự việc này. Tất cả đều nói đoạn trừ “hoặc”, cho nên biết đó là tướng hành nhân của Phật thông giáo”. Hoặc nói “Xưa kia làm Phạm chí Bảo Hải ở nước San Đề Lam tinh tấn tu hành ở Phật Bảo Tạng, chư Phật khắp mười phương dâng hoa cúng dường, đã làm cha của Phật Bảo tạng lại còn là thầy của Phật Di Đà nên gọi công đức ấy không thể nghĩ bàn”. Vì lẽ ấy mà biết đó là tướng hành nhân của Phật Biệt giáo và Viên giáo. Vì ba nghĩa cho nên biết các nhân này thấy đều là nhân của Tích môn. Ba nghĩa ấy chính là: 1. Gần; 2. Sâu, cạn không đồng nhau; 3. Được quét sạch. Đời nay trở về trước, xưa nay

trở về sau và khoảng trung gian thấy đều hành phương tiện cho nên biết đó là nhân của Tích môn. Nếu người chấp nhân của Tích môn làm nhân căn Bản môn thì không biết Tích môn cũng không biết Bản môn. Điều này giống như không biết trăng trên trời mà chỉ xem thấy trăng trong ao nước. Nếu là ánh sáng, cây quế, vòng tròn thì quyết định bên dưới mà biết bên trên. Ánh sáng ví dụ cho “trí diệu”, Cây quế ví dụ cho “hạnh diệu”, Vòng tròn ví dụ cho “vị diệu”. Nếu biết được ba thứ diệu trong Tích môn rồi loại bỏ Tích môn hiển bày Bản môn chính là biết rõ nhân diệu căn bản địa. Như trừ sạch ảnh mà chỉ lên trời, sao nói đến chậu mà không ngửa xem trời cao. Than ôi! Điếc lẩn mà hoặc vì luận đạo chẳng?. Nếu hiểu được ý này thì bản của Tích chẳng phải bản tích căn bản chẳng phải tích. Tích môn và Bản môn tuy khác biệt nhưng là một không thể nghĩ bàn.

Hỏi: Kinh nói khi xưa hành đạo Bồ-tát thì nên là lúc “Sơ trụ” đạt được chơn đạo, ở khoảng giữa nên là các Địa tăng trưởng đạo giảm tổn sanh, ở đạo tràng tịch diệt nay nên gọi là diệu giác và diệu giác hiển bày Bản môn nên chỉ cho Sơ trụ xưa kia. Vậy một con đường này tức đã đầy đủ?

Đáp: Văn nghĩa không thể nói hết. Văn kinh nói: “thực hành hết các đạo pháp của chư Phật vốn có”. Lại nói “thực hành đầy đủ các đạo” tức đầy đủ nhân mới là nhân căn Bản môn. Ở Sơ trụ không thể gọi là thấy đều đầy đủ cho nên không được chỉ làm nhân thuộc Bản môn. Lại nữa, quả của trung gian còn thấy đều bỏ vì là quyền hướng hồ là quả của đạo tràng tịch diệt hôm nay, sao được làm “thật”. Lại nữa, quả của trung gian còn bị loại bỏ hướng gì là nhân của trung gian sao được làm nhân thật! Do đó, hỏi như vậy là chẳng đúng.

Nói về quả diệu Bản môn thì như kinh nói “từ Ta thành Phật trở lại đây rất là lâu xa”. Ta tức là qui tắc của Chơn tánh, Phật là nghĩa giác ngộ tức nguyên tắc Quán chiếu. “Trở lại” tức là nương vào đạo Như Thật đến thành tựu chánh giác tức nguyên tắc khởi lên tương ứng trợ giúp thành tựu. Như ba nguyên tắc này, xưa nay đã thành thực tức quả diệu căn Bản môn. Quả Bản môn viên mãn từ lâu ở tại xưa kia chứ chẳng phải Tích môn hôm nay mới thành tựu. Tích môn thành tựu lại chẳng phải là một. Hoặc nói tòa cỏ dưới cội Bồ-đề với Tư hoặc Kiến hoặc của ba mươi bốn tâm đều được đoạn sạch. Nhờ đó hốt nhiên đại ngộ mà hiểu biết rõ tất cả các pháp của thế gian và xuất thế gian nên gọi là Phật. Chỉ có Phật này chứ không có mười phương Phật. Ba đời chư Phật thấy đều là Phật thuộc cõi nước khác chứ chẳng phải phân

thân của ta. Nghĩa là tướng quả Phật của Tam tạng giáo. Hoặc nói “tại Đạo thọ lấy y trời làm tòa, lấy nhất niệm tương ứng với trí tuệ để đoạn trừ tập khí sót lại mà được thành Phật”. Trong Đại Phẩm nói “thời Bát-nhã ấy, khắp cả mười phương cõi đều có ngàn đức Phật xuất hiện. Người hỏi đều căn cứ vào tên gọi Tu Bồ-đề, Thích Đề Hoàn Nhân v.v... cũng là Phật của cõi khác, chứ chẳng phải phân thân của ta”. Đây là tướng thành quả Phật của Thông giáo. Hoặc nói “đạo tràng tịch diệt, lấy hoa bầy báu làm tòa với thân tương xứng đài hoa, trên ngàn lá có mỗi mỗi Bồ-tát. Lại có trăm ức Bồ-tát. Như vậy tức có trăm ngàn ức Bồ-tát ở khắp mười phương phóng ánh sáng lông trắng giữa chận mày và ánh sáng của phân thân. Ánh sáng lông trắng nhập vào đài hoa ngự trị trên đỉnh đầu của Bồ-tát, ánh sáng phân thân nhập vào lá hoa cũng ngự trị trên đỉnh đầu của Bồ-tát. Đây gọi là thọ nhận chức vị Pháp vương thâu suốt đến tận cùng các pháp của chư Phật. Mà được thành Phật. Phật ở đài hoa gọi là Báo thân, ở lá hoa tức Ứng thân. Báo thân và Ứng thân chỉ là sự tương quan mà thôi chứ chẳng phải là “tương tức”. Đây là tướng quả thành Phật của Biệt giáo. Hoặc nói “Đạo tràng lấy hư không làm tòa, nếu một thứ thành tựu thì tất cả thành tựu, Tỳ Lô Giá Na biến hiện khắp mọi nơi, Xá Na và Thích Ca nếu thành tựu cũng biến hiện khắp tất cả mọi nơi. Ba vị Phật đều xuất hiện đầy đủ không có giảm, thiếu. Ba Phật chính là lẫn nhau không phải một, cũng chẳng phải khác. Tám phương, mỗi phương của Pháp Hoa đều có bốn trăm vạn ức nado-tha cõi nước an trí Thích Ca tức là Giá Na. Phổ hiền Quán nói “Phật Thích Ca Mâu Ni gọi là Tỳ Lô Giá Na” đây tức là tướng thành tựu quả Phật của Viên giáo. Ở đây có ba nghĩa tức biết rõ các quả vị ấy đều thuộc “Tích môn”: 1. Đời nay mới thành; 2. Sáu vạn bất đồng; 3. Loại bỏ trung gian. Nếu là quả của “Bản môn” thì tại sao hôm nay mới được thành tựu? Nếu quả của “Bản môn” tức một thành là tất cả quả thành thì tại sao trước, sau sai biệt bất đồng? Từ trước đời này đến sau “Bản môn” thành tựu trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp hành nhân mới đạt được quả. Nếu xưng nói có sanh, có diệt thì đều thuộc trung gian. Nếu quét sạch phương tiện thì dưới cây Bồ-đề vắng lặng sao lại chẳng đạt được “Tích môn”! Nếu người chấp quả của “Tích môn” làm quả “Bản môn” thì không biết rõ “Tích môn” và “Bản môn”. Bản môn hiện ra Tích môn như trăng hiện trong nước. Nếu loại trừ Tích môn để hiển bày Bản môn thì như dẹp bỏ hình ảnh chỉ lên trời. Do vậy, phải dẹp bỏ quả mới thành tựu đều là quả “Tích môn”, chỉ ra quả thành tựu lâu xa mới là quả của “Bản môn”. Như cách hiểu này thì quả của trung gian tự nhiên đều dứt

hết. Tin hiểu sâu xa thì nghĩa ấy rõ ràng vậy. Bản của Tích vốn chẳng phải Bản, Tích căn bản vốn chẳng phải tích. Tích môn và Bản môn tuy sai khác nhưng đều là một không thể nghĩ bàn.

Cõi nước diệu Bản môn như kinh nói “từ xưa đến nay, Ta thường ở thế giới Ta Bà thuyết pháp để giáo hóa, cũng ở cõi nước khác dẫn dắt đem lại lợi ích cho chúng sanh”. Ta Bà tức là cõi nước Đồng cư thời xưa kia. Cõi khác tức là ba cõi nước xưa kia. Đây đều chỉ cho cõi nước chơn thật ứng hiện đã ở lúc xưa (Bản môn) chứ chẳng phải cõi nước Tích môn. Trung gian và Tích môn nêu ra cõi nước chẳng phải là một đường. Hoặc nói: “hợp lại ba ngàn trăm ức mặt trời, mặt trăng tức cõi Đồng cư như uest hoặc nói “ở Tây Phương có cõi nước được gọi là Vô Thắng”. Cõi nước ấy vốn có những sự trang nghiêm, cũng như An dưỡng là cõi Đồng cư thanh tịnh Hoặc nói “thế giới Hoa Vương Liên hoa tạng hải tức là cõi Thật Báo”, hoặc nói “trú xứ của Phật được gọi là Thường Tịch Quang tức cõi nước Cứu cánh”. Lý “tịch quang” thông suốt như gương như đồ vật, các cõi nước sai biệt như ảnh tượng, như cơm. Tuy nhiên, do nghiệp lực đã chướng ngại, chiêu cảm sự thấy không giống nhau. Ngài Tịnh Danh nói: “cõi Phật của ta thanh tịnh nhưng ông không thấy”. Đây chính là chúng sanh do nghiệp chiêu cảm mà thấy có sai biệt chứ không có liên quan gì đến cõi nước của Phật. Nếu nói hiện nay, ba cõi này đều là của Ta vốn có thì các cõi nước tịnh uest, được điều phục nhiếp thọ đều là Phật đã làm. Ví như bá tánh ở trong mỗi cõi nước, thì cõi nước chẳng phải là sở hữu của họ. Như cha xây nhà, rồi cha bỏ đi mà nhà thì còn tồn tại. Như Lai cũng như vậy, vì chúng sanh cho nên giữ lấy cõi Phật. Nếu một khi việc giáo hóa đã hoàn tất thì Như Lai nhập diệt tức Phật bỏ đi mà cõi nước vẫn còn. Đây là cõi nước của Phật chẳng liên quan gì đến chúng sanh. Lại nữa, ba lần biến hiện cõi nước, ruộng đất tức hoặc là biến sự dơ uest của cõi Đồng cư khiến thấy sự trong sạch của cõi Đồng cư; hoặc thấy có sự trong sạch của cõi Phương tiện hữu dư. Ví như phẩm Thọ Lượng nói: “Nếu có người tin hiểu sâu sắc thì thấy Phật thường ở tại núi Kỳ Xà Quạt cùng với các đại Bồ-tát và chúng Thanh văn”. Hoặc thấy cõi nước Thật báo thanh tịnh giống như thấy cõi nước Ta Bà đều là ngọc lưu ly xanh biếc, thuần đều là các Bồ-tát” tức nghĩa đó vậy. Hoặc thấy cõi Tịch Quang v.v... lực Pháp Hoa Tam muội khiến thấy bất đồng đó thôi! Ví có ba nghĩa có thể biết được các cõi nước đều là cõi nước của Tích môn: 1. Chỗ của Phật hiện nay nương ở; 2. Tu trước sau lập nên; 3. Chỗ loại bỏ của trung gian. Nếu là cõi nước căn Bản môn thì chẳng phải chỗ Phật nay đã nương ở chỗ của Phật nay tức là cõi

nước của Tích môn. Nếu cõi nước căn Bản môn thì một cõi tức tất cả cõi không tương ứng với việc tu trước sau thiết lập nên với sâu cạn bất đồng. Cõi nước hôm nay trở về trước và cõi nước xưa kia trở về sau đều gọi là trung gian. Trung gian đều gọi là phương tiện, hướng hồ cõi nước hôm nay há đạt được chẳng phải là Tích môn! Từ Bản môn thị hiện Tích môn, người chấp Tích môn làm Bản môn thì không biết rõ Bản môn và Tích môn. Nay loại bỏ Tích môn để chỉ ra Bản môn. Bốn cõi đã nương ở vào xa xưa (Bản) chính là cõi nước diệu căn Bản môn. Bản của tích vốn chẳng phải Bản, Tích căn bản chẳng phải tích. Chẳng phải Tích môn, chẳng phải Bản môn chính là một không thể nghĩa bản.

Cảm ứng diệu Bản môn: như Kinh nói: “nếu có chúng sanh nào đi đến chỗ của Ta, Ta dùng Phật nhãn quán sát các căn lợi, độn của họ như tín v.v... “Chúng sanh đi đến” tức là sự cảm ứng với Pháp thân. “Ta dùng Phật nhãn quán sát” tức ứng hợp với từ bi. “Các căn lợi độn” tức là trong mười pháp giới, chúng sanh có sự sáng suốt và mê mờ hay vui mừng chán ngán bất đồng. Đây là chỉ cho thời căn Bản môn chứng đạt cảm ứng của hai mươi lăm Tam muội chứ chẳng phải cảm ứng trong Tích môn. Sự cảm ứng của Tích môn có nhiều thứ. Hoặc nói một ngày ba thời nhập vào thiền định quán sát để có thể hóa độ căn cơ chúng sanh đây là. Phật của Tam tạng giáo chiếu soi căn cơ chín pháp giới thuộc cõi nước đơ uế của phân đoạn sanh tử và cảm ứng với “chiết không”. Hoặc nói “tức tục mà chơn không cần nhập và xuất” tùy ý vận dụng có thể biết, đây là Phật của Thông giáo chiếu soi căn cơ của chín pháp giới thuộc cõi nước thanh tịnh trong phân đoạn sanh tử và cảm ứng với “thể không”. Hoặc nói “dùng Vương Tam-muội trải qua riêng biệt chiếu soi căn cơ của mười pháp giới”. Đây là Phật của Biệt giáo chiếu soi cõi Phương tiện hữu dư theo thứ tự cảm ứng. Hoặc nói Vương Tam-muội nhất thời chiếu soi căn cơ của mười pháp giới” tức là Phật của Viên giáo chiếu soi căn cơ thuộc cõi nước Tịch Quang của mười pháp giới cảm ứng trọn vẹn. Ở đây có ba nghĩa để có thể biết rõ các sự cảm ứng với Tích môn chứ chẳng phải Bản môn. Ba nghĩa ấy chính là: Mới thành, bất đồng, và bị phá bỏ. Phật ở dưới cây Bồ-đề, của đạo tràng tịch diệt bắt đầu thiên đến viên mãn cho nên biết là Tích môn. Hoặc tu trước học sau sâu cạn bất đồng cho nên biết là quyền trí. Ở đoạn trung gian trở đi bị phá bỏ đều thuộc phương tiện há chẳng phải Tích môn! Từ Bản môn xuất ra Tích môn thì há có thể chấp Tích môn làm Bản môn! Việc phá bỏ Tích môn để hiển bày Bản môn thì như xả bỏ Tích môn để chỉ ra Bản môn. Bản của Tích môn, tích căn Bản môn

đều là một không thể nghĩ bàn v.v... Lại nữa, hoặc Bản môn chiêu cảm thô, Tích môn chiêu cảm diệu, hoặc Bản môn chiêu cảm diệu còn Tích môn chiêu cảm thô hay đều diệu đều thô. Việc ứng hợp cũng giống như vậy. Lại nữa, Bản môn chiêu cảm rộng, Tích môn chiêu cảm hẹp, hoặc Tích môn chiêu cảm rộng còn Bản môn chiêu cảm hẹp hay đều rộng đều hẹp. Việc ứng hợp cũng lại như vậy. Tuy nhiên, chỉ lấy nghĩa “xưa, nay” mà phán quyết Bản môn và Tích môn chứ không ước định ở thô, diệu, rộng và hẹp v.v...

Thần thông diệu Bản môn như kinh nói “lực thần thông bí mật của Như Lai”. Lại nói “hoặc thị hiện thân mình và thân khác, hoặc thị hiện việc mình và việc của người”. “Thị hiện thân mình và sự việc của mình” tức là thần thông viên mãn. “Thị hiện ra thân người và sự việc của người” tức là thần thông thiên lệch. “Bí mật” là diệu. Hoặc thiên lệch hay viên mãn cũng đều là diệu. Đây là chỉ cho thần thông của thời Bản môn chứ chẳng phải Tích môn. Thần thông của Tích môn có nhiều loại. Hoặc nói “nương vào pháp Bối xả, trừ nhập mười bốn sự biến hóa nhằm đạt được sáu loại thần thông vượt xa hàng ngoại đạo và thù thắng hơn cả Nhị thừa”. Đây chính là thần thông của Phật thuộc Tam tạng giáo. Hoặc nói nương vào trí tuệ vô lậu của pháp thể mà đạt được sáu thứ thần thông thù thắng hơn việc nương vào pháp Bối xả. Đây là thần lực của Phật thuộc Thông giáo. Hoặc nói gom sáu loại thần thông trước làm năm thứ rồi nương vào trung đạo để phát khởi thần thông vô lậu. Sáu thần thông này là thần thông của Phật thuộc Biệt giáo. Hoặc nói trung đạo Vô Ký, Hóa Hóa Thiền đều đầy đủ tất cả sự biến hóa của sáu thần thông, không khởi diệt định mà hiện các oai nghi, nói năng và yên lặng không ngăn ngại nhau, động và tịch đều không có hai lý. Lại như trong kinh nay nói về sáu tướng điềm lành, biến hóa cõi nước v.v... thì đều là thần thông của Phật thuộc Viên giáo. Vì ba nghĩa ấy nên suy ra các thần thông là của Tích môn chứ chẳng phải căn Bản môn. Việc đạt được sự tu tập để loại trừ nghi ngờ v.v... là như trên đã nói. Lại nữa bốn câu lược giản thì cũng như trên nói, vậy, từ Bản môn thị hiện Tích môn thì Tích môn chẳng phải là Bản môn. Nếu loại bỏ Tích môn để hiển bày Bản môn thì ứng hợp với việc trừ bỏ Tích môn mà chỉ ra Bản môn. Bản của Tích môn, tích căn Bản môn là một không thể nghĩ bàn.

Thuyết pháp diệu Bản môn: như kinh nói “tất cả sự giáo hóa này của Ta là khiến chúng sanh phát khởi tâm đạo lớn và nay đều trụ vào bậc bất thối. “Sự giáo hóa của Ta” chính là thuyết pháp. “Khiến phát khởi tâm đạo lớn” là hàng đại căn chứ chẳng phải tiểu thừa. Đây chỉ

cho thuyết căn Bản môn chứ chẳng phải thuyết của Tích môn. Thuyết của Tích môn có nhiều loại. Nếu nương vào Niết-bàn để nói rõ hai vị trước sau thì từ trâu mà lưu xuất ra. Nếu nương vào nghĩa mà tìm cầu thì ba vị của trung gian cũng nên từ trâu mà lưu xuất ra. Vì sao? Vì trâu thường ăn cỏ thường chỉ có thể cho ra sữa, không ăn “cỏ nhẩn” nên không lưu xuất ra bốn vị trâu thuần lương khéo điều phục không hề có cao thấp, như rượu, bã, gạo lên men... năm vị viên mãn, vốn đầy đủ ở trâu chỉ vì chấp nhận cho việc ăn uống mà tùy theo đó tiết xuất ra. Nếu ăn “cỏ thường” thì tiết ra sữa. Nếu ăn “cỏ hạ nhẩn” thì tiết ra vị Lạc (váng sữa). Nếu ăn “cỏ nhẩn bậc trung” thì tiết ra vị sanh tô. Nếu ăn “cỏ nhẩn bậc thượng” thì tiết ra vị thực tô. Nếu ăn “cỏ nhẩn bậc thượng” thì tiết ra vị đề hồ. Nếu trâu làm lưu xuất ra năm vị thì ví như pháp của Tiệm giáo. Nếu trâu làm lưu xuất vị đề hồ thì ví như pháp của Đốn giáo. Nếu trâu làm lưu xuất ra ba vị thì ví như pháp bất định. Phật cũng như vậy, thiên vị hay viên mãn đều vốn đủ trong tâm Phật. Vì lắng nghe căn cơ chúng sanh có sai khác mà Phật thuyết pháp có sự bất đồng. Nếu là căn cơ thuộc cõi thiện thì ngài nói pháp luân của trời, người. Nếu là căn cơ ứng hợp “tích pháp” thì ngài nói pháp của hàng Nhị thừa. Nếu là căn cơ với “thể pháp” thì ngài nêu ra pháp luân của sự khéo độ thoát. Nếu là căn cơ riêng biệt thì Ngài nêu ra pháp luân thứ tự dần. Nếu là căn cơ của Viên giáo và Đốn giáo thì Ngài nêu ra pháp luân vô tác. Lại nữa, vì hai loại căn cơ mà Ngài nêu ra vị pháp thứ tư và thứ năm. Lại vì một loại căn cơ mà Ngài nói lên vị pháp thứ hai. Vì bốn loại căn cơ mà Ngài nêu ra bốn vị pháp ngoại trừ vị pháp thứ nhất. Lại vì ba loại căn cơ mà Ngài nêu ra ba vị pháp ngoại trừ vị pháp thứ nhất và vị pháp thứ hai. Lại vì một loại căn cơ mà Ngài nêu lên vị pháp thứ năm ngoại trừ bốn vị pháp trước. Lại nữa, pháp chứng đắc ở đạo tràng của Phật theo Tam tạng giáo là như “sữa ở tại trâu”, và bắt đầu ở đạo tràng tức liền nói “pháp luân về sữa”. Pháp chứng đắc ở đạo tràng của Phật thuộc Thông giáo là ví như “váng sữa tại trâu” thì bắt đầu đạo tràng liền nói “pháp luân váng sữa”. Pháp chứng đắc ở đạo tràng của Phật thuộc Biệt giáo thì ví như năm vị có mặt đầy đủ tại trâu tức bắt đầu từ đạo tràng liền nói năm vị pháp “thứ tự”. Pháp chứng đắc ở đạo tràng của Phật thuộc Viên giáo là ví như vị đề hồ ở tại trâu tức có nghĩa bắt đầu đạo tràng liền nói pháp luân vị đề hồ.

Hỏi: Đại Kinh nói “như ăn cháo sữa như nát lại không còn cần gì nữa phải là pháp luân vị sữa”?

Đáp: Sữa có nhiều loại. Nếu trâu ốm yếu thì cho ra sữa nhưng

sữa ấy vốn mang tính độc hại. Nếu là sữa của trâu tốt thì rất là ngon bổ.

Hỏi: Nếu sữa đã có nhiều loại thì đề hồ không phải là một thứ duy nhất?

Đáp: Kinh nói hàng A-La-Hán và Bích chi Phật được xem như vị “đề hồ” cho nên biết có ưu tú và thấp kém. Trong đây đại khái có nghĩa cần thuần thực, nên suy nghĩ! Theo thông lệ cũng có ba nghĩa mà đã nêu ra như các cách thuyết pháp ở trên thuộc Tích môn chứ chẳng phải Bản môn: mới viên mãn, mới nói, trung gian bị phá bỏ. Trung gian viên mãn, trung gian thuyết pháp còn đều là phương tiện hướng hồ nay mới viên mãn, mới thuyết pháp há chẳng phải là Tích môn ư? Nếu chấp vào Tích môn thì đều mất và phá bỏ Tích môn tức đều hiểu. Nên biết, chẳng phải Tích môn, chẳng phải Bản môn mà là một không thể nghĩ bàn. Lại nữa, đã nói là Tích môn nhưng nay nói là Bản môn hoặc xưa Bản môn nay Tích môn thì đều là Tích môn cũng đều là Bản môn v.v... Hoặc bốn câu v.v... của thật Bản môn và quyền Tích môn với thể dụng cho đến bốn câu của sự lý v.v...

